

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 3195 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (quy mô: 250 giường; trong đó: hiện trạng là 200 giường, mở rộng là 50 giường)” tại số 91 đường Lê Đình Thu, Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường;



Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (quy mô: 250 giường; trong đó: hiện trạng là 200 giường, mở rộng là 50 giường)” tại số 91 đường Lê Đình Thu, Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa họp ngày 26 tháng 5 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (quy mô: 250 giường; trong đó: hiện trạng là 200 giường, mở rộng là 50 giường)” tại số 91 đường Lê Đình Thu, Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 4085/SYT-KHTC ngày 06/9/2021 của Sở Y tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 359/TTr-STNMT-CCBVM ngày 24 tháng 9 năm 2021.

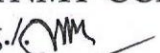
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (quy mô: 250 giường; trong đó: hiện trạng là 200 giường, mở rộng là 50 giường)” (sau đây gọi là Dự án) của Sở Y tế (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại số 91 đường Lê Đình Thu, Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND phường Ninh Hiệp.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 72/QĐ-KKT-TNMT ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa; Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 2935/STNMT-CCBVM ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND tx Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Hiệp;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL, HB.



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NINH HÒA (QUY MÔ: 250 GIƯỜNG; TRONG ĐÓ: HIỆN TRẠNG LÀ 200 GIƯỜNG, MỞ RỘNG LÀ 50 GIƯỜNG)

(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2021
của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (quy mô: 250 giường; trong đó: hiện trạng là 200 giường, mở rộng là 50 giường)

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Số 91 đường Lê Đình Thu, tổ dân phố 16, Phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Chủ dự án: Sở y tế tỉnh Khánh Hòa.

- Địa chỉ: Số 3A đường Hàn Thuyên, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: 0258.3818.925

- Đại diện: ông Bùi Xuân Minh; Chức vụ: Giám đốc.

1.4. Phạm vi, quy mô thực hiện dự án:

Quy mô: 250 giường; trong đó: hiện trạng là 200 giường, mở rộng là 50 giường.

1.5. Công nghệ sản xuất của dự án:

Khám và chữa bệnh.

1.6. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

- Các hạng mục công trình chính Dự án tiếp tục sử dụng:

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích (m ²)	Năm
1	Khối khám đa khoa và hành chính quản trị	3	598,88	2008
-	Khám đa khoa và điều trị ngoại trú.	Tầng 1	338,78	
-	Khối hành chính quản trị của bệnh viện	Tầng 2, 3	260,1	
2	Khoa dược	Tầng 2	250,48	2008
3	Khoa cấp cứu	2	355,1	2008
-	Bộ phận cấp cứu	Tầng 1	198,67	
-	Khoa hồi sức cấp cứu	Tầng 2	156,43	
4	Khối kỹ thuật nghiệp vụ	3	1.926,99	2008

-	<i>Khu mổ</i>	Tầng 3	642,33	
-	<i>Khoa chụp X quang</i>	Tầng 1	642,33	
-	<i>Khoa xét nghiệm</i>	Tầng 2	642,33	
5	Khối chữa bệnh nội trú	4	1.515	2008
-	<i>Khoa ngoại</i>	Tầng 1,2	757,5	
-	<i>Khoa phụ sản</i>	Tầng 3,4	757,5	
6	Khoa chữa bệnh nội trú	4	2.052	2013
-	<i>Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú</i>	Tầng 1	552	
-	<i>Khoa liên chuyên khoa</i>	Tầng 2	500	
-	<i>Khoa nội</i>	Tầng 3	500	
-	<i>Khoa nội</i>	Tầng 4	500	
6A	Khoa chữa bệnh nội trú	3	1.500	2008
-	Khoa nội	Tầng 3, 4	1000	
-	Khoa liên chuyên khoa	Tầng 2	500	
6*	Khoa chữa bệnh nội trú khoa nhi	2	549	2008
7A	Khoa dinh dưỡng	2	410	2013
7B	Khoa dinh dưỡng	2	484	2008
7C	Nhà giặt, khoa thanh trùng, kho xương	1	719,89	2008
8	Nhà xe ô tô, cấp cứu	1	133,27	2008
9	Nhà xe ô tô, xe máy	1	422,78	2008
10	Nhà thường trực, bảo vệ	1	23,21	2008
11A	Nhà máy điện dự phòng, trạm biến thế	1	42	2008
11B	Nhà đặt máy bơm, bể nước ngầm, đài nước	1	134	2008
12	Nhà đại thể	1	149,8	2008
13	Hệ thống hành lang cầu nối có mái che	HT	238	2008
14	Khoa truyền nhiễm 2 tầng	2	691,44	2008
15	Hệ thống xử lý nước thải	HT	62,4	2016
16	Ao sinh học chứa nước thải sau xử lý	1	1.272	2008
17	Nhà chứa chất thải rắn	1	40	2016
18	Nhà xử lý rác thải y tế lây nhiễm	1	69,92	2016
19	Khu vực căn tin	1		2008

20	Nhà khí nén oxi	1		2008
21	Nhà tang lễ	1	217,90	2008

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường Dự án hiện có và tiếp tục sử dụng:

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích (m ²)	Năm
1	Trạm xử lý nước thải công suất 300 m ³ /ngày	1	50	2016
2	Nhà điều hành Trạm xử lý nước thải	1	20	2020
3	Nhà lưu trữ chất thải rắn	1	40	2016
4	Nhà xử lý chất thải y tế lây nhiễm	1	50	2016

- Các hạng mục công trình, thiết bị, công nghệ sẽ bổ sung trong Dự án: Xây dựng mới 1 khối nhà tại Khoa truyền nhiễm (14A) với quy mô 50 giường:

- + Diện tích đất xây dựng công trình mở rộng: 689,01 m²;
- + Mật độ xây dựng: 1,8% (so với tổng diện tích khu đất toàn bệnh viện);
- + Tổng diện tích sàn xây dựng: 3.565,09 m²;
- + Chiều cao công trình: 21,9 m (từ cao 0,0 tới đỉnh mái);
- + Số tầng: 5 + tum.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu nước thải, chất thải y tế (lây nhiễm, không lây nhiễm), nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải và chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn hoạt động.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

Lưu lượng nước thải phát sinh trung bình ngày của bệnh viện với quy mô 250 giường là 122 m³/ngày đêm, tổng lượng nước thải lớn nhất ngày là 272 m³/ngày đêm. Thành phần nước thải có chứa các thành phần ô nhiễm hữu cơ, chất rắn lơ lửng, N, P, Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Chủ yếu Bụi, khí thải từ hoạt động phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng, khí thải từ thiết bị lò vi sóng xử lý rác thải y tế lây nhiễm bằng công nghệ lò vi sóng tích hợp cắt nhỏ chất thải trong cùng khoan xử lý (Thiết bị STERIL WARE 250-Seri 019-2016, hãng Bertin Pháp) và mùi hôi đặc trưng tại tại bệnh viện.

2.4. Quy mô, tính chất chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Khối lượng chất thải y tế thông thường là 427,5 kg/ngày

- Khối lượng chất thải y tế nguy hại là 37,5 kg/ngày

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Nước thải từ khu nhà sản xuất nhà vệ sinh, lavabo, phòng giặt, nước thải y tế từ các khoa: theo mạng lưới cống thoát nước thải vào các hố ga hệ thống thu gom nước thải D220 dẫn về Trạm xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm.

Nước thải từ nhà vệ sinh: theo đường ống dẫn riêng vào bể tự hoại 03 ngăn nhằm xử lý sơ bộ và giữ lại phần cặn bã. Phần nước thải sau xử lý bể tự hoại được dẫn về Trạm xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm.

Nước thải từ nhà ăn: thu gom theo đường ống dẫn riêng vào bể tách mỡ nhằm xử lý sơ bộ váng dầu mỡ và rác. Phần nước thải sau bể tách dầu mỡ cũng được dẫn về Trạm xử lý nước thải cục bộ công suất 300 m³/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải phát sinh của bệnh viện được thu gom dẫn về Trạm xử lý nước thải với công suất thiết kế là 300 m³/ngày; Nước thải được xử lý theo công nghệ AAO + Hệ thống vi lọc băng tải, quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:

- Nước thải các khu → Bể điều hòa → Bể AAO (3 ngăn) → Bể phản ứng → Bể vi lọc → Ao sinh học → Nguồn tiếp nhận (Kênh Đồng Bò – thuộc hệ thống kênh mương nội đồng phường Ninh Hiệp).

- Quy chuẩn: QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

- Bùn từ Bể vi lọc → khử khuẩn → Định kỳ thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

3.2. Về xử lý mùi, bụi, khí thải:

- Quy hoạch trồng cây xanh phù hợp xung quanh khu nhà chứa, khu xử lý rác thải, khu xử lý nước thải và bệnh viện nhằm tạo cảnh quan, giảm mùi hôi, khí thải tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng các xe cấp cứu, máy móc thiết bị đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Tuân thủ theo đúng quy trình vận hành thiết bị lò vi sóng xử lý rác thải y tế lây nhiễm của nhà sản xuất đưa ra.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Chất y tế thông thường:

+ Đối với chất thải thông thường không tái chế: Chất thải được phân loại, thu gom đưa về nhà chứa chất thải thông thường và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải chất thải thông thường tái chế: Chất thải được phân loại, thu gom đưa về nhà chứa chất thải thông thường và bán cho đơn vị thu mua phế liệu, định kỳ đến thu gom, vận chuyển đi phục vụ cho mục đích tái chế theo quy định của Văn bản bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT- BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- Chất thải y tế nguy hại:

+ Đối với chất thải nguy hại y tế lây không lây nhiễm được phân loại, thu gom tại nguồn đưa về nhà chứa CTNH không lây nhiễm. Chất thải có khả năng tái chế sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi Trường Khánh Hòa định kỳ đến thu mua, vận chuyển đi phục vụ nhu cầu tái chế theo quy định Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT- BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Chất thải không có khả năng tái chế sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi Trường Khánh Hòa định kỳ đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Đối với chất thải nguy hại y tế lây nhiễm không tự xử lý được tại bệnh viện được phân loại, thu gom tại nguồn đưa về nhà chứa CTNH lây nhiễm và hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT- BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

+ Đối với chất thải nguy hại y tế lây nhiễm tự xử lý được tại bệnh viện: Chất thải được phân loại, thu gom tại nguồn đưa về nhà chứa CTNH lây nhiễm của bệnh viện và xử lý theo quy định Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT- BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Chất thải nguy hại y tế lây nhiễm tự xử lý được tại bệnh viện cho qua thiết bị lò vi sóng bằng công nghệ tích hợp cắt nhỏ chất thải trong cùng khoan xử lý với công suất xử lý ≥ 30 kg/h (Thiết bị STERIL WARE 250 – Seri 019-2016, hãng Bertin Pháp) và cùng với chất thải y tế lây nhiễm của cơ sở y tế ngoài bệnh viện tại khu vực Ninh Hòa. Chất thải nguy hại y tế lây nhiễm sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 55:2013/BTNMT và chất thải thông thường cuối cùng được thu gom vào thùng chứa và vận chuyển đi xử lý cùng chất thải y tế thông thường không tái chế của bệnh viện.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Dự án thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 16b Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019 (Văn bản hợp nhất số 11); và kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo

quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Điều 17 Văn bản hợp nhất số 11.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án:

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1 Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án:

- Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng:

STT	Thông số	Số lượng	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Môi trường chất lượng không khí nằm gần khu vực thi công công trình (KK)			
-	Ôn, Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x , NH ₃ , H ₂ S	1	03 tháng/lần	QCVN 05:2009 QCVN 06:2009
2	Môi trường chất lượng nước mặt kênh Đồng Bò - nguồn tiếp nhận nước thải (NM)			
-	Lưu lượng, pH, DO, COD, BOD, TSS, Amoni, Nitrat, Phospho, Clorua, Fe, Zn, Pb, dầu mỡ, Coliform	1	03 tháng/lần	QCVN 08:2009 (Cột B)
3	Khí thải sau ống khói thiết bị lò vi sóng Sterilwave 250 xử lý rác thải y tế lây nhiễm (KT)			
-	Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x , HCl, Cd, Pb, H ₂ S, NH ₃ , HF	1	03 tháng/lần	QCVN 19:2009 (Cột B)
4	Khử khuẩn thiết bị xử lý chất thải y tế lây nhiễm với vi sinh vật với Bacillus atrophaeu (Số lượng bào tử vi khuẩn/BI: 3,9 X 10 ⁶)	3 vị trí của thiết bị	03 tháng/lần	QCVN 55:2013
5	Nước thải trước và sau Trạm XLNT 300 m ³ /ngày (NT1 VÀ NT2)			
	Lưu lượng, pH, COD, BOD, TSS, Amoni, Nitrat, Phospho, Sunfua, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae, dầu mỡ, Coliform	2	03 tháng/lần	QCVN 28:2010 (Cột B)

6	Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh: chất thải y tế, xây dựng và chất thải nguy hại			Hàng ngày
---	---	--	--	-----------

- Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động:

STT	Thông số	Số lượng	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Khí thải sau ống khói thiết bị lò vi sóng Steril Wave 250 xử lý rác thải y tế lây nhiễm (KT)			
-	Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x , HCl, Cd, Pb, H ₂ S, NH ₃ , HF	1	03 tháng/lần	QCVN 19:2009 (Cột B)
2	Khử khuẩn thiết bị lò vi sóng Sterilwave 250 xử lý chất thải y tế lây nhiễm với vi sinh vật với Bacillus atrophaeu (Số lượng bào tử vi khuẩn/BI: 3,9 X 10 ⁶)	3 vị trí của thiết bị	03 tháng/lần	QCVN 55:2013
3	Nước thải trước và sau Trạm XLNT 300 m ³ /ngày (NT1 VÀ NT2)			
	Lưu lượng, pH, COD, BOD, TSS, Amoni, Nitrat, Phospho, Sunfua, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae, dầu mỡ, Coliform	2	03 tháng/lần	QCVN 28:2010 (Cột B)
4	Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh: chất thải y tế thông thường và y tế nguy hại			Hàng ngày

6. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm



2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định quản lý chất thải và phế liệu được quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải xây dựng.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho UBND thị xã Ninh Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.